

**Công khai tài chính ngày 04/5/2026**

STT	Tên thực phẩm	Khu Trung Tâm			Khu Lễ		
		Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	<b>69 Xuất X 20.000 = 1.380.000</b>			<b>59 Xuất x 20.000 = 1.180.000</b>			
1	Cà rốt	0.2	26,000	5,200	0.1	26,000	2,600
2	Lạc hạt	1	53,000	53,000	0.7	53,000	37,100
3	Murop hương	2.9	25,000	72,500	2.1	25,000	52,500
4	Sữa ADM	69	5,000	345,000	59	5,000	295,000
5	Thịt lợn	3.1	145,000	449,500	2.8	145,000	406,000
6	Trứng cút	2.3	84,000	193,200	2.1	84,000	176,400
7	Hành lá	0.1	40,000	4,000	0.1	40,000	4,000
8	Rau mùi	0.1	35,000	3,500	0.1	35,000	3,500
9	Hành khô	0.1	32,000	3,200	0.1	32,000	3,200
10	Gas+NRB	69	1,100	75,900	59	1,100	64,900
11	Gạo tẻ BC	6.9	20,000	138,000	5.7	20,000	114,000
12	Nước mắm	0.2	25,000	5,000	0.1	25,000	2,500
13	Muối BC	0.2	23,000	4,600	0.1	23,000	2,300
14	Dầu ăn Netur 5L	0.37	75,000	27,400	0.21	75,000	16,000
	<b>Tổng</b>			<b>1,380,000</b>			<b>1,180,000</b>